

Số: 26/2024/DS-ST

Ngày: 20 – 6 – 2024

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Khon Sóc;
2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2024/TLST-DS, ngày 23 tháng 4 năm 2024 về: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXX- DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bé S, sinh năm: 1967; địa chỉ cư trú: Đường C, khóm B thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền là ông Ngô Văn S1, sinh năm: 1972; địa chỉ cư trú: Nguyễn Văn C, tổ C, khóm A, thị trấn Tri Tôn, huyện T, theo Văn bản ủy quyền ngày 15/01/2024 của Văn phòng C1.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm: 1967 – ông Nguyễn Văn O, sinh năm: 1969; cùng địa chỉ cư trú: Tổ G, ấp V, xã L, huyện T.

(Tại phiên tòa, ông S1 có mặt; bà Ú – ông O vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/3/2024 của bà Trần Thị Bé S với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, ông Ngô Văn S1 - đại diện theo ủy quyền cho bà S trình bày:

Do quen biết và thấy bà Nguyễn Thị Ú – ông Nguyễn Văn O phục vụ bơm nước cho nông dân mà thiếu vốn mua dầu, nhớt, nên từ ngày 17/4/2023 đến ngày 16/5/2023 bà Bé S có bán và cho bà Ú – ông O nợ các lần như sau: lần 1: Ngày 17/4/2023 bán với số tiền 19.800.000 đồng; lần 2: Ngày 04/5/2023 bán với số tiền 1.600.000 đồng; lần 3: Ngày 16/5/2023 bán với số tiền 16.500.000 đồng. Tổng cộng 37.900.000 đồng. Khi bán có ghi biên nhận và bà Ú – ông O hẹn thu hoạch lúa vụ hè thu 2023 sẽ trả, nhưng đến

nay không trả mà còn né tránh. Nay bà S yêu cầu bà Ú – ông O có nghĩa vụ liên đới trả số nợ trên cùng với lãi suất chậm trả kể từ ngày 16/5/2023 đến khi xét xử.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ú trình bày:

Bà là vợ ông O. Thừa nhận từ ngày 17/4/2023 đến 16/5/2023 bà có cùng ông O mua dầu, nhớt của bà S và còn nợ tổng cộng ba lần với tổng số tiền 37.900.000 đồng, như bà S trình bày. Khi mua, bà có ghi biên nhận. Mục đích mua là để sử dụng bơm nước lúa cho nông dân và hẹn thu hoạch lúa vụ hè thu 2023 sẽ trả, nhưng do thu hoạch lỗi lã nên không trả cho bà Bé S mà còn nợ đến nay. Nay bà hẹn 05 tháng nữa sẽ trả cho bà S mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ, còn lãi suất chậm trả thì xin giảm dứt.

Bị đơn ông Nguyễn Văn O đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nhưng ông vắng mặt.

Giai đoạn hòa giải: Ông S1 – đại diện theo ủy quyền cho bà S với bà Ú thống nhất nhau là bà Ú cùng chồng là ông O nợ bà S 37.900.000 đồng, hai bên thống nhất không yêu cầu trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, nhưng bà Ú xin hẹn sau 05 tháng sẽ trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, ông S1 thì không đồng ý mà yêu cầu trả ngay.

Tại phiên tòa, ông S1 bảo lưu ý kiến của mình. Bà Ú có đơn đề nghị xét xử vắng; riêng ông O đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng ông vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục: Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Ú có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, riêng ông Nguyễn Văn O đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử trong trường hợp vắng mặt bà Ú, ông O theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu – thẩm quyền: Xác định số nợ còn lại là từ tháng 5/2023, nhưng bà Ú – ông O không trả, nên ngày 19/3/2024 bà sáu khởi kiện là còn trong thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự. Bà Ú – ông O có địa chỉ cư trú tại huyện T, nên Tòa án huyện T giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Hợp đồng mua bán giữa hai bên tuy không lập thành văn bản, nhưng tự thỏa thuận nhau trên nguyên tắc tự nguyện phù hợp pháp luật. Quá trình mua bán có ghi sổ theo dõi, thể hiện số nợ được bà Ú thừa nhận, nên xem hợp đồng hợp pháp.

Giai đoạn hòa giải, bà Ú thừa nhận có cùng ông O mua dầu, nhớt và còn nợ của bà S tính đến tháng 5/2023 số tiền 37.900.000 đồng, từ đó về sau bà Ú – ông O không trả, nên bà S khởi kiện là có căn cứ.

Lẽ ra, bá Ú – ông O còn phải chịu lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, tương ứng với thời gian từ khi thu hoạch lúa đến khi xét xử, nhưng tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho bà S rút lại yêu cầu này là có lợi cho bà Ú – ông O, nên HĐXX công nhận tự nguyện.

Bà Ú – ông O mua dầu, nhớt của bà S cùng sử dụng bơm nước dịch vụ cho nông dân để thu lợi chung gia đình, nên có nghĩa vụ liên đới trả cho bà S theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự.

Về thời gian thanh toán: Bà Ú xin hẹn 05 tháng nữa mới trả cho bà S và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, nhưng không được đại diện ủy quyền của bà S đồng ý, nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận, mà giải thích cho bà Ú biết, HĐXX chỉ xác định nghĩa vụ trả nợ, còn thời gian trả như thế nào, HĐXX giải thích cho hai bên biết sẽ được xem xét tại giai đoạn Thi hành án.

Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của bà S được chấp nhận, nên bà S không phải chịu án phí; hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà bà S đã đóng. Riêng bà Ú – ông O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 430, 440, 288 Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bé S.

Buộc bà Nguyễn Thị Ú – ông Nguyễn Văn O có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Bé S 37.900.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu, chín trăm nghìn đồng*).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ú – ông Nguyễn Văn O phải cùng chịu 1.890.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn hoàn trả cho bà Trần Thị Bé S 2.105.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0012381 ngày 01/4/2024.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/6/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS đề thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ

